

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 798/2020/DS-PT

Ngày: 25-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Chí Sang

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3889/2020/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 71/40 đường CG, Phường M, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 71/26 đường PDP, Phường B1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980, thường trú: Số 86 đường VL, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi cư trú: Số 221/41/1G đường VL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 001958/GUQ, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/02/2012 tại Văn phòng công chứng Tân Bình) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Khưu Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 71/40 đường CG, phường M, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2. Bà Lưu Mai T, sinh năm 1962 (có mặt).

3.3. Anh Hồ Thanh V, sinh năm 1995 (có mặt).

3.4. Chị Hồ Lưu Thanh N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Cùng thường trú: Số 71/26 đường PĐP, Phường B1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Hồ Ngọc L, sinh năm 1930, chết ngày 26/01/2013.

Địa chỉ: Số 71/26 đường PĐP, Phường B1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Hồ Ngọc L:

3.5.1. Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 71/28 đường PĐP, Phường B1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5.2. Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 137/32/8 đường LVS, Phường B1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Thanh N

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận PN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2011 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Văn Đ và ông Hồ Thanh N là hàng xóm lâu năm. Trong năm 2010, ông có cho ông N vay tiền nhiều lần cụ thể:

- Tháng 4/2010, ông cho ông N vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, khi vay hai bên không viết giấy nợ. Ông N có trả tiền lãi của tháng 5/2010: 6.000.000 đồng.

- Tháng 6/2010, ông cho ông N vay tiếp số tiền 400.000.000 đồng cũng với lãi suất 2%/tháng và không viết giấy nợ. Ông N có trả tiền lãi của tháng 7/2010: 14.000.000 đồng.

- Tháng 7/2010, ông cho ông N vay thêm số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, khi vay hai bên không viết giấy nợ.

Tổng số tiền ông cho ông N vay là 01 tỷ đồng và ông N không trả cho ông thêm bất cứ khoản tiền lãi nào.

Ngày 24/9/2010, ông N có viết giấy cam kết với nội dung: Có mượn nợ ông Đ 01 tỷ đồng, do khủng hoảng kinh tế nên chưa tất toán được, cần có thời gian nên tạm giao cho anh Đ giữ giấy tờ đất (Quyền sử dụng đất) tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 6.059m², số X 328431, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 5769 QSDĐ/SX cấp ngày 13/8/2003. Từ khi ông N viết giấy nhận nợ đến nay, ông đã nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán nợ và lãi nhưng ông N hoàn toàn không trả cho ông một đồng nào và luôn tìm cách lẩn trốn.

Nay ông yêu cầu ông N phải hoàn trả ngay số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tính từ ngày 24/9/2010 đến ngày Tòa án xét xử.

Tại biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trương Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Thanh N phải thanh toán ngay một lần số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2020 (09 năm 06 tháng) theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm, cụ thể là 855.000.000 đồng. Tổng cộng ông N phải trả cho ông Đ là 1.855.000.000 đồng, thanh toán ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi thi hành án xong.

Trong suốt quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Thanh N chỉ đến Tòa để nhận Thông báo thụ lý vụ án và nộp Giấy ủy quyền. Sau đó, cả ông N và người đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Nguyễn Quốc T đều không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc của Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khuru Thị M trình bày:

Bà là vợ ông Trương Văn Đ, bà thống nhất với các ý kiến của ông Đ. Bà cũng có yêu cầu Tòa buộc ông N phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi là 1.855.000.000 đồng, thanh toán ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi thi hành án xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Mai T trình bày:

Bà là vợ ông Hồ Thanh N, việc ông N mượn tiền của ông Đ và thế chấp giấy tờ đất bà không biết, khi ông Đ đòi nợ ông N thì bà mới biết là ông N có mượn ông Đ số tiền 01 tỷ đồng. Do đó, việc vay nợ này là của cá nhân ông N, không liên quan đến bà nên ông N phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Thanh V và chị Hồ Lưu Thanh N cùng thống nhất trình bày:

Anh chị là con ông Hồ Thanh N và bà Lưu Mai T. Thời điểm ông N vay tiền của ông Đ, anh chị còn nhỏ nên không biết gì. Hiện nay, tuy anh chị đã lớn nhưng đây là việc riêng của ông N nên anh chị cũng không có ý kiến gì mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh S trình bày:

Ông là anh của ông Hồ Thanh N, việc ông N mượn tiền của ông Đ ông không biết. Trước đây khi ba ông là ông Hồ Ngọc L còn sống, ông có nghe ba ông nói ba ông có 01 miếng đất ở CG nhưng không biết ai đứng tên. Nay ông được Tòa thông báo là ông N đã thế chấp giấy tờ đất cho ông Đ để vay của ông Đ số tiền 01 tỷ đồng, ông hoàn toàn không biết việc vay mượn nợ của ông N và ông cũng không đồng ý với việc thế chấp này. Do đó, việc vay nợ này là của cá nhân ông N, ông không liên quan nên ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi Tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh B trình bày:

Ông là anh của ông Hồ Thanh N, việc ông N mượn tiền của ông Đ ông không biết. Trước đây khi ba ông là ông Hồ Ngọc L còn sống, ông có nghe ba ông nói ba ông có 01 miếng đất ở CG nhưng không biết ai đứng tên. Nay ông được Tòa thông báo là ông N đã thế chấp giấy tờ đất cho ông Đ để vay của ông Đ số tiền 01 tỷ đồng, ông hoàn toàn không biết việc vay mượn nợ của ông N và ông cũng không đồng ý với việc thế chấp này. Do đó, việc vay nợ này là của cá nhân ông N, ông không liên quan nên ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi Tòa xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03/4/2019, Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc ông Hồ Thanh N phải thanh toán cho ông Trương Văn Đ số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và lãi là 855.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.855.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Tiếp tục áp dụng Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-TĐAPKCTT ngày 16/10/2019.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/5/2020, ông Hồ Thanh N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận PN, với lý do ông N đã ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T là người đại diện hợp pháp của ông N tham gia tố tụng, nhưng ông T không nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, không nhận được giấy triệu tập tham gia phiên xét xử. Ông T cũng đã cung cấp địa chỉ và số điện thoại liên lạc cho thẩm phán được biết. Ngày 10/01/2019 Tòa án cũng đã ghi và gửi thư về đúng địa chỉ liên lạc mà ông T cung cấp. Nhưng kể từ đó đến nay thì ông T không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án nữa. Bất ngờ ngày 05/5/2020 ông N nhận được Bản sơ thẩm nêu trên. Như vậy, Tòa án quận PN đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự về việc tổng đạt văn bản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông N yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận PN.

Ngày 17/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận PN ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-KNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận PN đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì lý do;

Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc cấp tổng đạt niêm yết không đúng và đủ địa chỉ của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đảm bảo tính hợp lệ của việc cấp, tổng đạt theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Tố tụng năm 2015. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

Về nội dung: Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để xác định thời điểm tính lãi và mức lãi đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Thanh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần quyết định kháng của Viện kiểm sát nhân dân quận PN cụ thể, rút kháng nghị về phần thủ tục tố tụng. Đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với phần nội dung về việc tính lãi vì căn cứ vào Giấy cam kết ký ngày 24/9/2010 ông Nxác nhận có mượn nợ ông Đ 01 tỷ đồng, không thể hiện lãi suất và thời hạn vay. Trong trường hợp này phải áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự để tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Về nội dung quyết định kháng nghị: Tại phiên tòa Viện kiểm sát đã rút một phần quyết định kháng nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về phần nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại phần lãi suất theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán là 9%/năm thời điểm tính lãi suất tính từ khi bị đơn nhận được thông báo thụ lý giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thời hạn kháng cáo của bị đơn và thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận PN đều còn trong thời hạn luật định.

[2] về sự vắng mặt của đương sự: Tòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Quốc T là người đại diện hợp pháp của bị đơn, ông Hồ Thanh S, ông Hồ Thanh B, bà Khuru Thị M, chị Hồ Lưu Thanh N là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3]. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Xét, việc bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không tổng đạt các văn bản của Tòa án cho người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Quốc T.

Thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án ông N đã được tòa tổng đạt hợp lệ thể hiện qua việc ông N đã trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý và giấy triệu tập ngày 30/12/2011 (Bút lục số 07,18) nhưng sau đó Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Thời gian sau ông T đã nộp Giấy ủy quyền ngày 20/2/2012 số công chứng 001958 quyền số 1 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng TB chứng nhận thể hiện việc ông N đã ủy quyền cho ông T được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông N liên hệ và tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quá trình giải quyết vụ kiện nêu trên. Ngày 09/4/2012 Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập trực tiếp cho ông T ký nhận để đến Tòa tự khai vào lúc 09 giờ ngày 19/4/2012. Ngày 24/4/2012 và ngày 27/4/2012 (Bút lục 14,15, 27) Tòa án lại tổng đạt giấy triệu tập ông T đến tòa để tham gia hòa giải thông qua người thứ ba là ông Nguyễn Quốc T là em ruột của ông T cũng đều tại địa chỉ 86C VL, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 25/6/2019 của Công An phường TT cung cấp: *“Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980 hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ 86C VL, phường TT, quận TP. Đã chuyển hộ khẩu về địa chỉ 221/41 VL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018”*. (Bút lục số 166).

Tại phiếu kết quả xác minh ngày 10/9/2019 của Công An phường TT cung cấp: *“Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú tại 221/41/1G VL, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2017 đến nay. Hiện ông T thực tế không cư trú tại địa chỉ trên”*. (Bút lục số 165).

Sau đó, Tòa cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản của Tòa như Biên bản ghi nhận sự việc ngày 20/11/2019; Biên bản niêm yết; Biên bản định giá ngày 27/9/2019; Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-TĐBPKCTT ngày 16/10/2019; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 800/TB-TA ngày 19/11/2019; Giấy triệu tập đương sự (các bút lục 70, 71, 72, 73).

Căn cứ vào các Bút lục số 78, 79, 80, 88, 89, 90, 91, 95, 101, 102, 103, 104 đã chứng minh việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và Bản án đều được tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết hợp lệ đối với ông Nguyễn Quốc T là đúng theo quy định tại Điều 177 và Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, việc ông N cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án ông N và người đại diện hợp pháp của ông N không nhận được Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, không nhận được Giấy triệu tập tham gia phiên tòa là không đúng. Vì căn cứ vào văn bản ủy quyền nêu trên thì ông N đã ủy quyền cho ông T được toàn quyền thay mặt ông N tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp. Do đó Tòa không cần phải triệu tập ông N. Phía bị đơn ông N và người đại diện của ông N là ông T khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú lại không thông báo cho Tòa án biết là lỗi của bị đơn nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích của bị đơn Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh và niêm yết hợp lệ nhưng phía bị đơn và người đại diện của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nhất là phía ông T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp lần đầu nhưng kể từ đó tới nay vắng mặt không có lý do. Việc này cho thấy ông T không thực hiện nghĩa vụ của người được ủy quyền mà ngay cả bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án kéo dài gần 10 năm cũng chưa một lần chủ động liên hệ Tòa án để theo dõi về việc giải quyết vụ án. Điều đó đã chứng minh phía bị đơn cố tình kéo dài vụ án nhằm né tránh nghĩa vụ trả nợ của mình đối với nguyên đơn. Từ những lý lẽ nêu trên hội đồng xét xử phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông N không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Xét Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/2010 của Viện kiểm sát nhân dân quận PN

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã rút lại một phần quyết định cụ thể rút kháng nghị đối với phần vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

Xét, kháng nghị về phần lãi suất cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 9%/năm từ tháng 9/2010 mà không tính theo từng giai đoạn là không chính xác. Xét thấy việc Tòa cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất trong trường hợp này là không đúng. Vì căn cứ vào Giấy cam kết ký ngày 24/9/2010 ông N xác nhận có mượn nợ ông Đ 01 tỷ đồng nhưng không thể hiện thời gian trả nợ, không thể hiện lãi suất nên trường hợp này được xem là vay không có thỏa thuận về lãi suất, không thời hạn. Do đó, thời hạn để yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ sẽ được tính từ ngày ông N nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc ông Đ khởi kiện ông N yêu cầu trả số tiền mượn nợ còn thiếu và cũng từ thời gian này nếu ông N chưa trả thì được xem là ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy

định: “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Thấy nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân quận PN là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần sửa lại về phần tính lãi này cho phù hợp, cụ thể buộc ông N phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 1 tỷ đồng và tiền lãi đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 30/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 03/4/2020. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2010) là 1.000.000.000 đồng x 9%/năm x 99 tháng 03 ngày = 743.250.000 đồng. Như vậy, ông N phải trả cho ông Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 1.743.250.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần lãi suất nên cần phải sửa lại về phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông Đ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.297.500 đồng.

Hoàn lại ông Đ số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về các khoản tiền phí thẩm định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ. Cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót, tuy nhiên tại phiên Tòa ông Đ đã tự nguyện chịu và không yêu cầu tòa xem xét phần này nên Tòa không xét giải quyết.

Xét, trong phần Quyết định, Bản án sơ thẩm quyết định tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-TĐAPKCTT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân quận PN là không đúng. Vì Quyết định này là một quyết định riêng biệt đã có hiệu lực pháp thi hành ngay khi ban hành và các đương sự không có khiếu nại gì cho đến nay quyết định này giữ nguyên giá trị. Nên cần phải sửa án sơ thẩm không ghi nội dung này trong phần quyết định của bản án.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông N số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Thanh N về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm.

2/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị hủy án sơ thẩm về việc cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút phần kháng nghị này.

3/ Chấp nhận phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận PN về việc đề nghị sửa án sơ thẩm về phần nội dung tính lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

4/ Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

4.2. Buộc ông Hồ Thanh N phải thanh toán cho ông Trương Văn Đ số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự là 743.250.000 đồng. Tổng cộng là 1.743.250.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Thanh N phải chịu án phí sơ thẩm là 64.297.500 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho ông Trương Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/09063 ngày 16/12/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận PN.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ Thanh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0042786 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận PN.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND quận PN;
- Chi cục THADS quận PN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy